

DIỄN ĐÀN: NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM

TIẾNG VIỆT HÔM NAY: SỰ TRONG SÁNG VÀ VẤN ĐỀ CHUẨN HOÁ

PHẠM VĂN TÌNH

(PGS. TS; Viện Từ điển học & Bách khoa thư Việt Nam)

1. Tiếng Việt đang ở đâu?

Tiếng Việt đang là ngôn ngữ quốc gia của nước CHXHCN Việt Nam, có 90 triệu dân (mà người Việt chiếm đa số). Với một diện tích hơn 329 ngàn km², kéo dài trên một dải đất hình chữ S, tiếng Việt phân nhánh ra nhiều vùng phương ngữ khác nhau (tiêu biểu là 3 phương ngữ *Bắc, Trung, Nam*). Nhưng dù đã qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, tiếng Việt vẫn là một ngôn ngữ thống nhất, giữ vai trò là công cụ giao tiếp quan trọng trong một cộng đồng cư dân rộng lớn, đa dạng... Tiếng Việt chính là một nhân tố không thể thiếu được làm nên đặc thù và bản sắc văn hoá Việt Nam.

Nhưng ít có ngôn ngữ nào chịu sức ép từ các nhân tố lịch sử - địa lí mạnh mẽ như tiếng Việt. Lịch sử bốn ngàn năm của chúng ta “lên bổng xuống trầm” mà dấu ấn rõ nét nhất là chúng ta phải chịu gần 1.000 năm Bắc thuộc và hơn 80 năm đô hộ của Pháp. Không thể nói là ngôn ngữ (một hiện tượng xã hội đặc biệt) lại đứng ngoài những biến cố đó. Trái lại, chính ngôn ngữ lại là nhân tố đầu tiên đứng trước sự đồng hoá. Chính phủ ngoại bang nào cũng muốn áp đặt các thiết chế quyền lực, trong đó có chính sách ngôn ngữ đối với quốc gia họ vừa thôn tính. Và thực tế, nhà nước phong kiến Việt Nam đã dùng chữ Hán trong các văn bản hành chính quốc gia trong suốt quá trình tồn tại. Tiếp đó, khi các giáo sĩ phương Tây vào truyền giáo rồi thực dân Pháp xâm lược, chữ Quốc ngữ xuất hiện và đây là bước thay đổi quan trọng trong tiến trình phát triển ngôn ngữ Việt. Cả tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Hán cùng tồn tại nhưng đó chỉ là một dạng “tam ngữ bất bình đẳng”. Tiếng Pháp dần dần giữ vai trò độc tôn, đẩy chữ Hán vào miếu đường cổ hủ của các nhà Nho và coi chữ Quốc ngữ là một văn tự “không chính thống”, sống “kí sinh” trong lòng tiếng Pháp.

Một trong những sự khác biệt rõ rệt của mỗi dân tộc chính là ngôn ngữ. Tiếng Việt với sức sống kì lạ, lâu bền của mình đã trường tồn cùng lịch sử. Giờ đây, ta vẫn nhận chân được giá trị của tiếng Việt ngàn đời qua các tác phẩm còn lưu truyền của Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương... và vô vàn những tác phẩm dân gian truyền khẩu (ca dao, dân ca, tục ngữ...). Nhưng bên cạnh đó, chúng ta cũng phải thừa nhận một điều: Dấu ấn của văn hoá Hán và tiếng Hán, văn hoá Pháp và tiếng Pháp còn biểu hiện rất rõ trong tiếng Việt. Hơn 60% từ Việt có gốc Hán (theo thống kê của H. Maspéro, 1912) và gần hơn 2.000 từ gốc Pháp (thống kê của Nguyễn Quảng Tuân và Nguyễn Đức Dân, 1992). Gần đây, tiếng Việt thu nhận thêm nhiều từ ngoại lai nữa (chủ yếu là tiếng Anh). *Từ điển từ mới* (Viện Ngôn ngữ học, 2002) đã thu thập khoảng 3.000 từ mới các loại trong vòng 15 năm (1985-2000). Đây là hệ quả của nhiều năm mở cửa, đổi mới, hội nhập.

2. Tiếng Việt hôm nay: Có còn trong sáng?

Đứng trước thực trạng thay đổi khá nhanh chóng gần đây của ngôn ngữ, dư luận xã hội, rất nhiều người lo lắng và lên tiếng cảnh báo về hiện tượng sử dụng ngôn ngữ tùy tiện, cầu thả làm “vẩn đục” tiếng Việt, thậm chí nhiều người còn cho rằng “tiếng Việt đang bị làm hỏng”, “sự xuống cấp trầm trọng của tiếng Việt” và “chúng ta phải có thái độ kiên quyết và rõ ràng để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, phải hành động trước khi quá muộn”, v.v.

Những bức xúc như vậy không phải là không có căn cứ. Đó là hiện tượng nói và viết tiếng Việt tùy tiện, bừa bãi, trong đời sống hàng ngày và cả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Chẳng cần bước chân ra ngõ là đã có thể nghe thanh thiếu niên nói bậy, chửi tục, nói trống không, trái với thuần phong mỹ tục... Sách báo thì in sai, in lỗi hoặc để cho nhiều phát ngôn kém văn hoá ngang nhiên tồn tại (ngày xưa báo, nhất là sách lỗi in sai rất ít). Nhưng ngôn ngữ trên mạng mới thực sự là đáng sợ. Nó bát nháo, tùy hứng trăm hình vạn vẻ. Từ chuyện nói năng văng mạng (nói cho hả, nói lấy được) đến chuyện viết văng mạng, bất chấp các chuẩn mực chính tả tối thiểu. Đáng lo ngại là hiện tượng nói bậy, viết sai, nói lóng ... lại phổ biến trong giới trẻ, ở tuổi học đường. Mà thế hệ này lại chiếm một tỉ lệ lớn trong cơ cấu dân số (chỉ riêng học sinh phổ thông năm 2009-2010 đã xấp xỉ 24 triệu). Họ sẽ là chủ nhân tương lai của đất nước. Không rõ là cứ với đà này, tiếng Việt sẽ ra sao?

Theo tôi, muốn nhìn nhận, đánh giá đúng vấn đề này chúng ta phải có cái nhìn biện chứng, toàn cục, phải xuất phát từ quan điểm toàn diện, cụ thể. Và, trước tiên chúng ta phải cùng xác lập một vấn đề: Thế nào là trong sáng?

Có thể dẫn nghĩa 2, mục từ **trong sáng** trong *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học - Hoàng Phê chủ biên, 2006) là “ở trạng thái giữ được bản sắc tốt đẹp, không có hiện tượng pha tạp” để áp dụng cho tổ hợp “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”. Một tiếng Việt trong sáng là phải cơ bản thuần nhất, có cách nói, cách dùng từ chuẩn với đại đa số, mang tư duy dân tộc. Tôi chắc là đại đa số mọi người không phản đối cách định nghĩa trên. Tuy nhiên, cách hiểu “thế nào là trong sáng” đang có sự phân hoá, chưa thống nhất. Thể hiện rõ nhất là thái độ đối với việc sử dụng từ nước ngoài.

Nhiều người cho rằng, phải căn cứ vào nguồn gốc của nguyên ngữ mà dùng từ cho chuẩn. Như vậy, có nhiều từ Hán - Việt ta mượn và dùng đúng theo nghĩa Hán (cả âm và nghĩa). Chẳng hạn, theo quan điểm của một số tác giả, phải dùng *cứu cánh* với nghĩa là “mục đích cuối cùng” chứ không dùng như hiện nay là “chỗ dựa, để thoát khỏi một tình trạng không hay”; phải dùng *trầm kha* (hay *bệnh nặng*) chứ không được dùng “bệnh trầm kha”, *tham quan* chứ không phải “thăm quan”, *Hợp Chúng Quốc Mĩ* chứ không phải “Hợp Chúng Quốc Mỹ”, v.v. Nhưng có rất nhiều trường hợp, trong quá trình thu nhận và sử dụng, tiếng Việt đã có sự điều chỉnh, sai lệch. Chẳng hạn, vô tình ít dùng nghĩa “không có tình, bất nghĩa” như tiếng Hán mà dùng “ngẫu nhiên, không chủ định, không cố ý”, *khiêm tốn* không chỉ với nghĩa chỉ “ý thức và thái độ đúng mực” mà còn dùng chỉ sự “ít ỏi, nhỏ bé” (đồng lương *khiêm tốn*, chiều cao *khiêm tốn*...), lẽ ra viết *thống kê* nhưng từ trước đến nay vẫn viết là “thống kê”, *trụ ngụ* lại viết là “trú ngụ”, *trú sở* viết thành “trụ sở”, ... Đó là những lỗi quy về gốc là “sai”. Nhưng hiện tại chúng ta sử dụng trong giao tiếp đã hết sức quen thuộc đến mức không nhận ra lỗi sai và những cái sai đó đã được bình thường hoá (do không có sự hiểu lệch lạc, phù hợp với hiện tại). Ngay cả những cách nói được coi là “thừa” như: *đường quốc lộ* (lộ: đường), *cây cổ thụ* (thụ: cây), *bà quả phụ* (phụ: bà), *ngày sinh nhật* (nhật: ngày), *virus HIV* (V = virus),... nhiều khi vẫn được sử dụng (như một “độ dư cần thiết”) để hoặc là làm rõ nghĩa, hoặc là tăng sắc thái biểu cảm (*Hôm qua còn theo anh/ Đi ra đường quốc lộ; Ngày sinh nhật Bác nắng đầy tiếng chim; Chúng tôi bước dưới tán cây cổ thụ; Xin mời bà quả phụ X. lên nói lời cảm ơn*; v.v.).

GS Hoàng Phê từng nói rằng: “Khi ta mượn một từ nước ngoài, thì với một ý nghĩa nào đó, chúng ta đã “tạo” một từ mới của ta: từ tiếng Việt này sẽ có một đời sống riêng của nó” (Hoàng Phê, *Tuyển tập Ngôn ngữ học*, 2008). Tiếng Việt vay mượn khá nhiều. Có từ do áp lực ta phải dùng. Có từ ta chưa có mà phải “vay” (vay mượn thuật ngữ là rõ rệt nhất). Hoặc nhiều từ ta có rồi nhưng vẫn mượn thêm để làm phong phú hơn cách sử dụng (tiếng Nga, tiếng Pháp là một ví dụ, vẫn mượn thêm từ tiếng Anh, sử dụng song song). Khi ta mượn, có nhiều từ, dựa trên cơ sở âm và nghĩa gốc, người Việt đã uốn nắn lại (*la plat* = lập là, *la clé* = lắclê, *mangouste* = măng

cút, *casseroles* = xoong, *caporal* = cặp rằn, *club* = câu lạc bộ,...). Từ *show* (sô) trong tiếng Anh có nghĩa là “buổi trình diễn nghệ thuật, suất diễn” nhưng hiện tại sô tiếng Việt còn thêm nhiều nghĩa: một phi vụ làm ăn (bể sô), một công việc nào đó đòi hỏi luân phiên, nhiều lần (*chạy sô đi dạy, chạy sô đám cưới, chạy sô thuyết trình*...). Từ *hủ hoá*, nghĩa gốc tiếng Hán là “thối nát” dùng để chỉ sự “hư hỏng, biến chất, sa đoạ”. Nhưng trong dân gian hay dùng để chỉ chuyện nam nữ “quan hệ bất chính, buông thả” (*Anh ta mắc tội hủ hoá, làm cô hàng xóm mang bầu*). Như vậy, nếu so sánh nhiều từ, ta thấy âm và nghĩa gốc có khi đã bị “mờ” đi.

Một vấn đề nữa vẫn còn gây tranh cãi, đó là việc nên phiên âm, chuyển tự hay để nguyên dạng tiếng nước ngoài? Tôi không bàn đến việc dùng tiếng Anh trong biển hiệu quảng cáo hay thương hiệu hàng hoá. Tôi muốn đề cập tới việc sử dụng trên báo chí. Vì nhiều ý kiến cho rằng phải phiên cách đọc, như thế mới là trong sáng, phục vụ cho đông đảo quần chúng.

Giao tiếp ngôn ngữ được thực hiện qua 2 “kênh” khác nhau: *nói bằng lời* (phát âm truyền qua không gian) và *đọc bằng mắt* (qua tự dạng, nét chữ). Đọc qua kênh thị giác là một cách cảm nhận văn bản phổ biến đối với mọi dân tộc trên thế giới kể từ khi con người phát minh ra chữ viết. Tiếng Việt văn hoá hình thành từ khi có chữ viết. Tên nước ngoài vào Việt Nam (trừ tiếng Hán sẽ đọc theo âm Hán Việt) thường chủ yếu theo các hệ chữ: Slavơ (chữ Kirin, như Nga, Bungari và một số nước cộng hoà thuộc Liên Xô cũ), Latin (gồm các nước nói tiếng Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha - ngữ hệ Latin, các nước thuộc Liên hiệp Anh - ngữ hệ Anglo-Saxon, Đức - ngữ hệ German), Sanscrit... Với tên riêng viết theo hệ chữ Slavơ, chúng ta phải chuyển tự (chuyển từ mẫu tự này sang con chữ tương đương ở mẫu tự khác, cụ thể là theo bảng chữ cái Latin có ở hầu hết các máy chữ). Còn với các tên viết theo mẫu tự Latin thì cách tốt nhất là để nguyên dạng.

Bởi như trên tôi đã nói, giao tiếp bằng mắt phải lấy tự dạng làm căn cứ. Việc phiên cách đọc sẽ dẫn đến hệ quả đầu tiên là đưa ra một cách đọc chủ quan (đúng và sai rất mong manh). Không ai dám chắc là mình sẽ phiên đúng một từ nào đó theo nguyên ngữ (tên của cựu Tổng thống R. Reagan mà người Mỹ cũng còn có 2 cách đọc, Thủ đô Moskva (Nga) sẽ được đọc khác nhau giữa tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung (Moskva, Moscow, Moscou, Moscou). Hệ quả thứ hai là người đọc mất cơ sở để truy tìm. Tôi đảm bảo là nếu phiên âm thì chỉ sau một đêm chúng ta sẽ biến toàn bộ mấy chục cầu thủ 4 đội tham gia tứ kết Cup C1 châu Âu 2010 thành mấy chục cái tên khác. Trừ cái cái tên quá quen (Messi, Ronaldo, Kaka, Rooney, Arshavin...) phiên ra ta còn nhận được, chứ đa số tên khác, ta rất khó nhận diện (chẳng hạn, *Porphap* = Pfaff, *Co-rao* = Crouch, *Hât-lơ-xtôn-nơ* = Huddlesstones...). Để nguyên dạng không làm ảnh hưởng nhiều tới việc cảm thụ. Chính sự nguyên dạng này giúp người đọc theo dõi dễ dàng, không bị gây trở ngại, dùng quen thì điều đó trở nên rất bình thường.

Chúng ta chấp nhận điều này như một “giải pháp tình thế”, giúp cho tiếng Việt ổn định và phát triển đúng hướng. Một văn bản có lẫn vài tên riêng tiếng Anh không hề làm giảm giá trị tiếng Việt mà còn thể hiện tiếng Việt chấp nhận được một biến thể và chứng tỏ trình độ người nói tiếng Việt được nâng cao. Phát triển đúng hướng là tôn trọng những chuẩn mực (từ vựng, ngữ âm, chính tả,...). Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt không thể thoát li vấn đề chuẩn hoá. Mà chuẩn hoá có nghĩa là “lựa chọn một biến thể hợp lí trong những biến thể đang tồn tại”. Nhưng thế nào là chuẩn? Đó là một phạm trù mang tính xã hội. Bởi chuẩn của ngôn ngữ tự nhiên không thể căn cứ vào lí lẽ thuần tuý logic, là ý muốn chủ quan, là những áp lực mang tính quyền uy... *Chuẩn ngôn ngữ là một quá trình kiểm nghiệm, sàng lọc, chọn lựa*. Có những chuẩn cũ bị phá bỏ để thay bằng chuẩn mới và nhiều khi cả 2 chuẩn này song song tồn tại trong một thời gian (lưỡng khả). Chuẩn là cái đã được định hình, truyền thống nhưng có khi nó lại hình thành từ một “sự vi phạm chuẩn”. Sự sáng tạo ngôn từ của các nhà văn, nhà thơ là một ví dụ. Không ít những

lối nói “phá cách” của các nhà văn đã đem lại hiệu ứng bất ngờ và trở thành một nhân tố mới, giúp cho ngôn ngữ phát triển đa dạng hơn.

Chuẩn luôn tôn trọng tính cộng đồng và dân chủ. Tuy nhiên, chính từ cách hiểu “dân chủ” kia mà hiện tại tiếng Việt đang đứng trước nguy cơ của sự vi phạm. Điển hình là cách nói lóng trong học đường. Đầu tiên chỉ nói cho vui, hoặc nói trong phạm vi hẹp, rồi nhanh chóng lây lan trong diện rộng. Thí dụ, gọi *bố mẹ* là “tiền bối lỗi thời”, *xe máy* là “con nghèo”, *tiền bạc* là “máu khô”, *tiền âm phủ*, *bạn gái* là “gà tóc nâu”, *bạn trai* là “xe ôm”, *bị kiểm điểm* là “chào cờ thứ hai”, *ăn điểm kém* là “vác gậy Trường Sơn”,... Rồi nói tiếp âm các từ với các tên nổi tiếng: *yết kiều vừa chứ*, *lỗ tấn to rồi*, *chớ hồng lâu mộng*, *phí phạm văn đồng*, *vô lý thường kiệt*, *không phan đình rớt (mà phan đình tu)*,... Đáng ngạc nhiên (và đáng sợ) hơn cả là ngôn ngữ chat (tán gẫu trên mạng). Nếu ai đã từng vào mạng, xem các trang blog, email... thì sẽ thấy chính tả tiếng Việt biến dạng như thế nào.

Nhiều người cho rằng mạng ở nơi nào cũng thế. Sang Mỹ, Hàn Quốc, Nga, giới trẻ có khi còn “quậy” hơn. Ngôn ngữ chat của họ “khủng” hơn nhiều. Đó là một trò chơi tiêu khiển mà (!). Nhưng dù là giải trí thì cái gì cũng phải có chừng mực. Hơn nữa, cách dùng theo kiểu tự sáng tạo như vậy không khéo sẽ bị lệch lạc. Cái lạ nhiều khi bị giới trẻ nhầm lẫn với cái tồi và “cái sáng tạo”, “cái hay”. Những cái mới lạ đó rất dễ lây lan, khi đã lây nhiễm rồi, nó cứ như một “con đĩa” bám rất chặt, rất khó gỡ bỏ. Thực tế vừa qua, trong một đợt khảo sát bài viết và bài thi của một số trường THPT tại Hà Nội, chúng tôi phát hiện ra rất nhiều lỗi được cho là “nằm ngoài kiến thức”. Đó là việc viết tắt, viết hoa, viết kèm tiếng nước ngoài vô lối, viết theo ngôn ngữ biến dạng xuất hiện (nhiều ít khác nhau) ở các văn bản học đường đòi hỏi phải tuân thủ các nguyên tắc trường quy. Và mức độ vi phạm lỗi ngày một tăng.

Đáng tiếc là nhà trường, giáo viên, bố mẹ các em ít quan tâm và nhắc nhở. Giáo dục ngôn ngữ là một mặt quan trọng của giáo dục tri thức học đường. Thật buồn là một bộ phận giới trẻ chỉ mải mê vào các cuộc giải trí mang tính công nghệ (*chat, game online...*) mà quên không chịu đọc (và không thích đọc) sách báo nói chung. Phải chịu đọc nhiều, tham gia giao tiếp xã hội, chịu “va chạm” thì chúng ta mới hình thành một “ngữ năng” ổn định, có khả năng đánh giá sự đúng sai và có khả năng trau dồi sự diễn đạt ngôn ngữ của mình.

Nhìn lại cả quá trình lịch sử, tiếng Việt hôm nay đã thay đổi rất nhiều về diện mạo: giàu hơn và đa năng hơn trong việc thể hiện công cụ giao tiếp ở mọi lĩnh vực. Tiếng Việt chưa đến nổi rung chuông báo động, giương “đèn đỏ” về sự “mất trong sáng trầm trọng”. Nhưng rõ ràng, tiếng Việt có nhiều vấn đề phải quan tâm nếu không, ngôn ngữ yêu quý này có nguy cơ bị vẩn đục, do chính thái độ của chúng ta. Không có gì là không thể xảy ra, kể cả điều tốt và cái xấu. “Ngôn ngữ là linh hồn dân tộc”. Câu nói của W. Humboldt cần phải nhắc lại như một lời nhắc nhở về lòng tự hào và bồn chồn của tất cả những ai thuộc cộng đồng tiếng Việt hôm nay.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt, văn Việt, người Việt*, Nxb Trẻ, TP HCM.
2. Nguyễn Đức Dân, Nguyễn Quảng Tuân (1992), *Từ gốc Pháp trong tiếng Việt*, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP HCM.
3. Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Trường đại học KHXH & NV TPHCM (1999), *Tiếng Việt trên các phương tiện thông tin đại chúng*, TP HCM.
4. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nhiều tác giả, *Ngôn ngữ học: Khuyên hướng - Lĩnh vực - Khái niệm*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984 (t.1), 1986 (t. 2).
6. Hoàng Phê (2008), *Tuyển tập Ngôn ngữ học*, NXB Đà Nẵng.
7. Wierzbicka A. (1985), *Lexicography and conceptual analysis*. Ann Arbor.